TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14-7-2022
"V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG-TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hiền - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan và bà Hoàng T Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 154/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2022, các quyết định hoãn phiên toà giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1985; HKTT: Khu Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Hiện cư trú: Thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương *(có mặt)*.

- Bị đơn: Anh **Vũ Văn Đ**, sinh năm 1984; HKTT và cư trú: Khu Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký và được UBND phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/9/2010. Sau kết hôn, vợ chồng ở cùng gia đình bố mẹ anh Đ được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ mải chơi, không chịu lao động, thiếu sự lo toan chăm sóc vợ con. Bản thân chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng anh Đ không thay đổi dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Từ tháng 5 năm 2016 cho đến nay, chị đã bỏ về nhà đẻ tại xã T, huyện T *(nay là thành phố H)*, tỉnh Hải Dương sinh sống và vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Đ không Đ được mục đích và không còn điều kiện để cải thiện nên chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Vũ Hoàng N, sinh ngày 22/7/2011, khi bỏ về nhà đẻ sinh sống chị muốn đưa con cùng đi nhưng anh Đ không đồng ý nên hiện tại con chung trên danh nghĩa đang ở với anh Đ nhưng chủ yếu bố mẹ anh Đ thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, theo nguyện vọng của con chung và để đảm bảo cuộc sống của con chung, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, còn việc anh Đ cho con như thế nào thì chị không có ý kiến.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung; vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng tài sản gì, vợ chồng không có công sức chung trong thời gian ở chung cùng gia đình anh Đ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết những mối quan hệ này khi ly hôn.

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ chị T giao nộp, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã thụ lý yêu cầu khởi kiện, tiến hành gửi thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn anh Đ. Anh Đ đã biết việc Toà án thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng không chấp hành và không đến Tòa án làm việc, đồng thời cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với việc giải quyết vụ kiện. Qua làm việc với bố mẹ đẻ anh Đ và con trai anh Đ, về nội dung vợ chồng mâu thuẫn, thời gian ly thân, tình trạng con chung phù hợp với quan điểm trình bày của nguyên đơn chị T. Bố mẹ đẻ anh Đ đề nghị giải quyết yêu cầu của chị T theo quy định của pháp luật, đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi của con chung.

Tại phiên toà,

Chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm theo nội dung khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn anh Vũ Văn Đ, đề nghị giao con chung cho chị nuôi dưỡng và chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Đối với quan hệ tài sản chung, nợ chung, công sức chị T xác định không có nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm, riêng bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 4 Điều 207, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn Đ.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T: Giao con chung Vũ Hoàng N, sinh ngày 22/7/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ

18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị T xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức chung và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết việc hôn nhân của chị với Vũ Văn Đ. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện gửi và phối hợp với công an phường A để giao các văn bản tố tụng cho anh Vũ Văn Đ để anh Đ thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn phù hợp với quy định tại Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự nên được coi là hợp lệ. Anh Đ đã nhận được các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án làm việc và cũng không có văn bản thể hiện quan điểm gửi đến Toà án. Do nguyên đơn chị T có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã phối hợp với công an phường A để giao cho anh Đ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đối với anh Đ đến tham gia tố tụng tại phiên toà. Anh Đ đã nhận các văn bản tố tụng nhưng không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã tiến hành thủ tục giao, niêm yết quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đối với anh Đ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai, anh Đ đã nhận nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa; đồng thời tại phiên toà lần thứ hai nguyên đơn chị T vắng mặt lần thứ nhất vì lý do bận công việc nhưng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử phải quyết định hoãn phiên toà. Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Vũ Văn Đ là phù hợp với điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh Đ kết hôn là tự nguyện, đủ điều kiện và có đăng ký là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ kiện do anh Đ không chấp hành tham gia giải quyết vụ kiện, không có văn bản gửi đến tòa án để thể hiện quan điểm của mình. Do vậy Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp, căn cứ vào chứng cứ do Tòa án tiến hành T thập để đánh

giá tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Thấy rằng, từ tháng 5 năm 2016 cho đến nay, chị T đã bỏ về nhà đẻ tại xã T, thành phố Hải Dương sinh sống, vợ chồng ly thân không quan tâm đến cuộc sống của nhau sau thời gian vợ chồng xảy ra mâu Tẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh Đ mải chơi, không chịu lao động và thiếu sự quan tâm chăm sóc vợ con. Nội dung này chị T cung cấp phù hợp với quan điểm của bố mẹ anh Đ. Như vậy, có thể thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng là có thật, bản thân anh Đ cố tình vắng mặt không thể hiện ý thức trong việc tìm biện pháp cải thiện tình trạng mâu thuẫn vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn Đ đã kéo dài, đời sống chung không có hạnh phúc và không Đ được mục đích của hôn nhân. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Vũ Văn Đ là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh Đ có một con chung là Vũ Hoàng N, sinh ngày 22/7/2011. Hiện tại thì cháu N đang ở với gia đình anh Đ, nhưng thực tế thì đều do bố mẹ anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu với chi phí do chị T gửi. Nội dung này chị T trình bày phù hợp với quan điểm của bố mẹ anh Đ, ngoài việc cháu N có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, bản thân bố mẹ anh Đ cũng đề nghị Toà án nên giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo tốt hơn về cuộc sống cho cháu. Bản thân chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi con trong khi đủ điều kiện nên cần chấp nhận yêu cầu này của chị T giao con chung của vợ chồng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp với nguyện vọng của bố mẹ anh Đ, và sẽ đảm bảo quyền lợi tốt hơn về mọi mặt của con chung đúng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử thấy rằng, chị T tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng và chị T là người lao động có T nhập. Do vậy cần chấp nhận sự tự nguyện của chị T và không buộc anh Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng tài sản gì, vợ chồng không có công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết khi ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị T và bị đơn anh Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 4 Điều 207, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271,

Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XỬ:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Vũ Hoàng N, sinh ngày 22/7/2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Vũ Văn Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung. Anh Vũ Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí *(do anh Phạm Văn M nộp thay)* theo biên lai số AA/2020/0001899 ngày 05/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương *(chị T đã nộp đủ án phí)*.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Vũ Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THA DS TPHD;
- Các đương sự;
- UBND phường A, thành phố H (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP (HCTP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hiền